TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2024/KDTM-PT Ngày 09-4-2024 V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như

Các Thẩm phán : Ông Ngôn Ngọc Viên

Bà Doanh Thị Mây

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLPT- KDTM ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" giữa:

- Nguyên đơn: Quỹ hỗ trợ V1

Địa chỉ: A G - quận Đ - thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Công B – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H – Luật sư.

Địa chỉ: Tòa nhà S (b), A T, Quận Đ, thành phố Hà Nội; Ông H có mặt

- Bị đơn: Hợp tác xã X

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nông Ngọc Q – Chủ nhiệm Hợp tác xã X.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

(*Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Tòa án đã thực hiện niêm yết theo quy định của pháp luật*)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị H1

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; có mặt

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị H1: Bà Phùng Thị Ư, địa chỉ: Tổ dân phố G, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

2. Bà Nông Thị Hương L.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của bà Nông Thị Hương L: Ông Vũ Đình T - sinh 1958;

Địa chỉ: F C, Phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội. Bà L vắng mặt, ông T có mặt

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Quỹ hỗ trợ và phát triển hợp tác xã có cho Hợp tác xã X tổng số tiền là 2.000.000.000.đ (hai tỷ đồng) với mục đích đầu tư mua mới 01 dây chuyền sản xuất gạch xây không nung công suất 3-4 triệu viên/năm và mua 01 máy xúc đào bánh lớp nhãn hiệu DAEWOO Solar 140W-V (máy đã qua sử dụng, do Hàn Quốc sản xuất), thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 7,2 %/năm, lãi suất quá hạn áp dụng bằng 150% lãi suất trong hạn, theo Hợp đồng tín dụng số 240/HĐTD – QHTPTHTS ngày 28/6/2012 và các kế ước nhận nợ số 281/KƯ– QHTPTHTX ngày 05/8/2012, kế ước nhận nợ số 444/KƯ– QHTPTHTX ngày 25/9/2012, kế ước nhận nợ số 42/KƯ– QHTPTHTX ngày 29/01/2013 .

Để đảm bảo cho khoản vay trên Hợp tác xã X có dùng các tài sản để bảo lãnh nghĩa vụ tài chính của Hợp tác xã X thông qua các hợp đồng thế chấp như sau:

Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 242/HĐTC-QHTPTHTX ngày 09/7/2012 giữa Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã với ông Nông Ngọc Q, bà Đỗ Thị H1, chị Nông Thị Hương L thế chấp: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liên với đất số BK 074040 do UBND huyện T cấp, vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH02638, diện tích đất ở được cấp là 161,8 m^2 đất ở đô thị thuộc

thửa đất số 16, tờ bản đồ số 59, tại địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Chủ sở hữu: Bà Đỗ Thị H1. Và Q1 sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 205784 do UBND huyện T cấp, vào sổ cấp giấy chứng nhận CH000001 ngày 14/4/2011, diện tích đất được cấp là 2.727 m^2 đất sản xuất vật liệu xây dựng thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 81, tại địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Chủ sở hữu: hộ ông Nông Ngọc Q, bà Đỗ Thị H1.

Hợp đồng thế chấp dây chuyền máy móc, thiết bị số: 241/HĐTC-QHTPTHTX ngày 09/7/2012 giữa Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã với Hợp tác xã X thế chấp: Một máy xúc đào bánh lốp nhãn hiệu DAEWOO Solar 140 W – V do hàn Q2 sản xuất (tài sản hình thành từ vốn vay), chủ sở hữu, sử dụng là Hợp tác xã xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng T. Một dây chuyền sản xuất gạch xây không nung công suất 3-4 triệu viên/năm (tài sản hình thành từ vốn vay), chủ sở hữu, sử dụng: Hợp tác xã xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng T.

Tổng giá trị 04 tài sản thế chấp là 3.546.000.000. (ba tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu đồng) để đảm bảo cho khoản vay.

Thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký, Q3 hỗ trợ phát triển hợp tác xã đã giải ngân theo hợp đồng tín dụng với số tiền là 2.000.000.000.đ (hai tỷ đồng) cho Hợp tác xã X, Quỹ hỗ trợ và hợp tác xã X đã thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý để thế chấp và nhận thế chấp 04 tài sản nêu trên là biện pháp bảo đảm tiền vay.

Năm đầu tiền, Hợp tác xã X thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng từ năm thứ hai trở đi, việc trả nợ gốc và nợ lãi quá hạn bị đình trệ, mặc dù đã được Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã đôn đốc và thông báo thu hồi nợ rất nhiều lần, hàng tháng đều có thông báo số tiền nợ gốc, lãi mà Hợp tác xã X phải trả. Hợp tác xã X thừa nhận số liệu công nợ, thừa nhận số tiền phải trả cho Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã và rất nhiều lần cam kết tìm người mua tài sản đang thế chấp ở Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã để bán theo thủ tục quy định của pháp luật lấy tiền trả nợ cho Q3 nhưng đều không thực hiện.

Tính đến ngày 31/5/2021 Hợp tác xã X còn nợ (gốc, lãi) Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tổng số tiền là 1.060.524.000.đ (một tỷ không trăm sáu mươi triệu năm trăm hai mươi tư nghìn đồng), trong đó:

- Số tiền nợ gốc trong hạn: 0 đồng.

- Số tiền nợ gốc quá hạn: 582.919.000.đồng.

- Số tiền nợ lãi quá hạn: 477.605.000 đồng.

Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã yêu cầu Hợp tác xã X phải trả số tiền tính đến ngày 31/5/2021 là 1.060.524.000.đ (một tỷ không trăm sáu mươi triệu năm trăm hai mươi tư nghìn đồng), đồng thời tiếp tục trả nợ gốc, lãi số tiền còn thiếu theo cơ chế vay vốn của Quỹ từ ngày 01/6/2021 cho đến khi hoàn thành việc thanh toán.

Trong trường hợp Hợp tác xã X không trả được nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để thu hồi nợ cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

Đối với người đại diện theo pháp luật của bị đơn Hợp tác xã X là ông Nông Ngọc Q: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Thạch An đã trực tiếp tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng không thực hiện được việc tống đạt do ông Nông Ngọc Q không có mặt tại địa phương. Ngày 15/12/2021 và ngày 08/02/2022 Tòa án nhân dân huyện Thạch An ra giấy triệu tập gửi cho ông Nông Ngọc Q đến Tòa án để làm việc, nhưng đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Nông Ngọc Q không đến. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật, qua biên bản xác minh ngày 10/02/2022 giữa Tòa án nhân dân huyện Thạch An và ông Lê Anh Q4 – Công an thị trấn Đ cho biết hiện nay ông Nông Ngọc Q không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì, ở đâu. Sau khi tiến hành xác minh ngày 20/3/2022 Tòa án đã tiến hành việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 20 ngày. Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-KDTM ngày 12/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa lần 1 số 01/2023/QĐST-KDTM ngày 05/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa lần hai số 02/2023/QĐST-KDTM ngày 02/8/2023 đã được Tòa án niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Đến thời điểm mở phiên tòa ngày 31/8/2023 đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Nông Ngọc Q vẫn vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ, lời khai cho Tòa án.

ợp

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H1 và đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị H1 là bà Phùng Thị Ư trình bày:

Theo đơn khởi kiện, Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã có đưa bà Đỗ Thị H1, sinh ngày 13/10/1968, địa chỉ thường trú: tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bà H1 không đồng ý, bởi vì:

- Bà Đỗ Thị H1 không phải là xã viên của Hợp tác xã X, không góp vốn cổ phần.

- Về mối quan hệ hôn nhân giữ ông Nông Ngọc Q và bà Đỗ Thị H1 đã ly hôn từ tháng 09 năm 1994 (có trích lục án dân sự giao nộp cho Tòa án). Sau khi ly hôn thửa đất số 16, tờ bản đồ 59, diện tích 161,8 m^2 , địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 07040 ngày 16/7/2012, đứng tên người sử dụng, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là bà Đỗ Thị H1. Do vậy đây là tài sản riêng của bà Đỗ Thị H1, bà H1 sắm tậu được sau khi đã ly hôn với ông Nông Ngọc Q. Không phải là tài sản chung của vợ chồng, không phải là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của gia đình các xã viên trong hợp tác xã.

- Do bà H1 có tính hay cả nể và thương người nên khi ông Nông Ngọc Q thiếu vốn kinh doanh, hỏi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã vay vốn, bà H1 đã đồng ý cho ông Quảng m và cùng con gái Nông Thị Hương L ký vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 254a/HĐTD-QHTPTHTX ngày 17/7/2012. Sau đó một thời gian, bà H1 cảm thấy lo lắng, bất an, sợ rằng ông Q không có khả năng trả nợ cho Q3 thì nhà cửa đất đai của bà H1 sẽ bị kê biên, phát mại thu hồi vốn. Sẽ ảnh hướng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà H1 nên bà H1 đã trao đổi, yêu cầu ông Q trả lại giấy CNQSDĐ cho bà H1.

Ngày 05/11/2015, bà H1 đã vay tiền của bà Nông Thị B1 và nhờ chị B1 chuyển tiền vào tài khoản của Q3 hỗ trợ phất triển hợp tác xã 02 khoản tiền: 82.919.000.đ (tám mươi hai triệu chín trăm mười chín nghìn đồng chẵn) và 417.081.000.đ (bốn trăm mười bảy triệu không trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

Cùng ngày 05/11/2015, ông Phạm Công B – Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, ông Nông Ngọc Q – Chủ nhiệm Hợp tác xã X, đã cùng nhau thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng sửa đổi số: 478/HĐTDSĐ –QHTPTHTX về việc thay thế toàn bộ nội dung điều 5. Biện pháp bảo đảm tiền vay của Hợp đồng tín dụng số 240/HĐTD – QHTPTHTX ngày 28/6/2012 và khoản 2 điều 5 của hợp dồng tín dụng sửa đổi số 245/HĐTDSĐ – QHTPTHTX ngày 17/7/2012 bằng nội dung như sau:

Từ điều 5 biện pháp bao đảm tiền vay; Khoản vay được bảo đảm bằng biện pháp thế chấp bất động sản của bên thứ ba cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng đất tại K, thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng theo giấy chứng nhận quyến sử dụng đất số BI 205784 do UBND huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 14/4/2011, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số CH000001 là thửa đất số 65, tờ bản đồ số 81, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng gốm sứ - được cấp

2.727m^2 , thời hạn sử dụng đất lâu dài; được cấp cho hộ ông Nông Ngọc Q. Giá trị tài sản bảo đảm theo biên lai định giá ngày 15/6/2012 giữa Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và bên có tài sản, bên vay là 327.000.000.đ (ba trăm hai mươi bảy triệu đồng).

2. Quyền sử dụng đất tại tổ dân phố B, thị trấn Đ,huyện T, tỉnh Cao Bằng theo giấy chứng nhận QSDĐ số BK 074040 do UBND huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 16/7/2012, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số CH02638 là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 59, diện tích 161,8 m^2 đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, được cấp cho hộ bà Đỗ Thị H1. Giá trị tài sản bảo đảm theo biên bản định giá lại ngày 17/7/2012 giữa Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và bên có tài sản, bên vay là 969.000.00.đ (chín trăm sáu mươi chín triệu đồng).

3.Thế chấp 01 dây chuyền sản xuất gạch xây không nung (mới) công suất sản xuất đạt 3-4 triệu viên/năm; Do Việt Nam sản xuất (tài sản hình thành từ vốn vay). Giá trị tài sản bảo đảm theo biên bản định giá ngày 15/6/2012 giữa Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và bên có tài sản, bên vay là 1.600.000.000.đ (một tỷ sáu trăm triệu đồng).

4. Thế chấp 01 máy xúc đào bánh lốp nhãn hiệu DAEWOO Solar 140W-V (DOOSAN), máy đã qua sử dụng, do Hàn Quốc sản xuất (tài sản hình thành từ vốn vay). Giá trị tài sản bảo đảm theo biên bản định giá ngày 15/6/2012 giữa Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và bên vay là 650.000.000.đ (sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản bảo đảm theo định giá 3.546.000.000.đ (ba tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

Như vậy, theo hợp đồng tín dụng sửa đổi số 478/HĐTDSĐ –QHTPTHTX ngày 05/11/2015 do giám đốc Phạm Công B ký, thì tài sản là quyền sử dụng đất tại tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng, số BK 074040, đứng tên người sử dụng đất là bà Đỗ Thị H1 đã hết hiệu lực đảm bảo cho các khoản vay của Hợp tác xã X.

Đồng thời, ông Phạm Công B đã ký, ban hành 02 công văn số 478, 479/QHTPTHTX –CV ngày 5/11/2015 về việc" giải chấp tài sản bảo đảm của ông Q, bà H1" gửi UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Và gửi văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, tỉnh Cao Bằng. Công văn thể hiện:

"Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của bên thế chấp theo giấy chứng nhận QSDĐ số BK 074040 do UBND huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 16/7/2012, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số CH02638 là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 59, diện tích 161,8 m^2 đất ở tại đô thị, địa chỉ thửa đất: tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng theo hợp đồng thế chấp quyền sử

dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 245a/HĐTD-QHTPTHTX ký kết ngày 17/7/2012. Tài sản trên hiện không còn đảm bảo cho khoản vay tại Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Nay bằng văn bản này, chúng tôi đề nghị Q5 cơ quan cho thực hiện việc giải chấp tài sản nói trên…"

Ngày 05/11/2015 Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã đã bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK074040 do UBND huyện T cấp ngày 16/7/2012, chủ sử dụng bà Đỗ Thị H1 (bản gốc) - cho ông Nông Ngọc Q.

Ngày 06/11/2015 đại diện Hợp tác xã X – ông Nông Ngọc Q – Chủ nhiệm hợp tác xã đã bàn giao giấy CNQSDĐ số BK 074040 do UBND huyện T cấp ngày 16/7/2012, chủ sử dụng bà Đỗ Thị H1.

Như vậy, tài sản là giấy CNQSDĐ số BK074040 do UBND huyện T cấp ngày 16/7/2012 đứng tên bà Đỗ Thị H1 đã được giải chấp, không còn đảm bảo cho khoản vay tại Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

Việc Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã khởi kiện đưa bà H1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không đúng, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch An xem xét giải quyết thấu tình đạt lý và đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án TAND huyện Thạch An đã xác minh tại địa phương thì hiện nay ông Nông Ngọc Q là đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã X và chị Nông Thị Hương L là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có mặt tại địa phương, không rõ địa chỉ hiện nay ở đâu. Xác minh tại phòng tài chính kế hoạch huyện T, tỉnh Cao Bằng hiện nay Hợp tác xã X đang tạm ngừng kinh doanh nhưng chưa giải thể hay phá sản. Tòa án đã niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng tại trụ sở UBND thị trấn Đ và nơi cư trú cuối cùng của ông Nông Ngọc Q, chị Nông Thị Hương L. Toà án cũng đã thực hiện việc thông báo việc thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng trên phương tiện thông tin đại chúng. Nhưng ông Q và chị L không có mặt cũng như không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Quỹ hộ trợ và phát triển hợp tác xã.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, qua thẩm định xác định được:

Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 81, diện tích 2727 m^2, mục đích sử dụng là đất sản xuất vật liệu xây dựng, địa chỉ thửa đất: Kéo Ái – Tục Ngã, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. UBND huyện T cấp GCNQSDĐ ngày 14/4/2011 cho hộ ông Nông Ngọc Q. Hiện trạng thửa đất một phần diện tích đất đang được trồng ngô, cây cao khoảng 20cm, phần diện tích còn lại chỉ có cây bụi dại (ngô do hộ dân ở xóm L trồng). Theo điều tra thực tế với cơ quan quản lý đất đai là phòng tài

nguyên môi trường huyện T và Văn phòng đăng ký đất đai huyện T thì phần đất này năm 2013 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Chu Thế G, trú tại: xóm P, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng với số thửa là 65, tờ bản đồ số 81, diện tích 2727 m^2 , mục đích sử dụng: hàng năm khác, số vào sổ cấp GCNQSDĐ CH02694, số phát hành giấy CNQSDĐ BP192416 nay đã điều chỉnh lại Quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nông Ngọc Q. Ngoài ra trên thửa đất không có tài sản nào khác. (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 29/7/2022)

Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 59, diện tích 161,8 m^2, mục đích sử dụng là đất ở tại đô thị, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.UBND huyện T cấp giấy CNQSDĐ ngày 16/7/2012, tên người sử dụng là bà Đỗ Thị H1. Hiện trạng thửa đất có một ngồi nhà cấp bốn xây bằng gạch, mái lợp bằng tôn, phía trước có 01 mái che lợp bằng tôn. Thửa đất có các mặt tiếp giáp như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 15 là đất nhà ở của ông Nông Văn L1; phía nam giáp với thửa đất số 17 của bà V (nhà hàng B2); phía đông giáp đất khu di tích lịch sử nghĩa trang Đ; phía tây giáp đường quốc lộ 34B. Các thửa đất liền kề hiện tại không có tranh chấp. (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 29/7/2022).

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và Đơn xin gia hạn thời hạn trả nợ vay ngày 10/01/2016 của Hợp tác xã X cho thấy số tiền gốc còn nợ là 582.919.000.đ (Năm trăm tám mươi hai triệu chín trăm mười chín nghìn đồng chẵn).

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Quỹ hỗ trợ và phát triển hợp tác xã yêu cầu Hợp tác xã X trả số tiền tính đến ngày 31/8/2023 là 1.355.602.000đ Trong trường hợp nếu Hợp tác xã X không trả được nợ đề nghị xử lý tài sản thế chấp đối với 02 thửa đất đã nêu trong quá trình giải quyết vụ án để thu hồi nợ, nếu không đủ thanh toán sẽ tiếp tục đề nghị 02 tài sản bảo đảm còn lại bằng một vụ án khác. “Về vấn đề giải chấp thửa đất tại tổ dân phố 02 là do có sự lừa dối nên Quỹ hộ trợ đã bằng các biện pháp cùng với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T tạm dừng việc giải chấp”

Đại diện theo pháp luật của bị đơn Hợp tác xã X ông Nông Ngọc Q vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên không có lời trình bày và có ý kiến tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị H1 trình bày: Tôi không có liên quan gì tới ông Q và Hợp tác xã của ông Q nên tôi không có trách nhiệm phải trả khoản nợ mà ông Q đã vay.

Tại bản án số 01/2023/DSST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng đã:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 84, Điều 100, Điều 121, Điều 122, Điều 124, Điều 318, Điều 343, Điều 344, khoản 7 Điều 351, Điều 352, Điều 355, Điều 389, Điều 402, Điều 423, Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 91; khoản 2 Điều 95; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

- Căn cứ Điều 31 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ hỗ trợ và phát triển hợp tác xã:

1.1.Buộc Hợp tác xã X phải có nghĩa vụ thanh toán cho Q3 hỗ trợ phát triển hợp tác xã tổng số tiền là 1.355.602.000đồng, trong đó: nợ gốc 582.919.000đồng, tiền lãi quá hạn phải trả các kỳ trước là 760.192.000 đồng, lãi quá hạn kỳ này là 12.491.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực cho đến khi thi hành án xong, Hợp tác xã xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Tam N còn phải chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 240/HĐTD-QHTPTHTX ngày 28/6/2012.

1.2. Trường hợp Hợp tác xã X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả số tiền nói trên, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 074040 do UBND huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 16/7/2012 đối với thửa đất

số 16, tờ bản đồ số 59, địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng, diện tích: 161,8m^2 , mục đích sử dụng: đất ở đô thị, thời hạn sử dụng: lâu dài theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 245a/HĐTC-QHTPTHTX ngày 17/7/2012;

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sso BI 205784 do UBND huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 14/4/2011 đối với thửa đất số 65, tờ bản đồ số 81, địa chỉ: Kéo Ái - T, Đ, T, Cao Bằng, diện tích 2.727 m^2, mục đích sử dụng: đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ, thời hạn sử dụng: lâu dài theo hợp đồng thế chấp tài sản số 242/HĐTC-QHTPTHTX ngày 09/7/2012 .

- Nếu sau khi thực hiện giải quyết 02 tài sản thế chấp trên mà vẫn chưa đủ thu hồi hết nợ Quỹ hộ trợ có quyền yêu cầu xử lý 02 tài sản còn lại trong 04 tài sản mà bị đơn thế chấp.

2. Về án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Hợp tác xã xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng phải chịu án phí là 52.668.000 đồng. Nguyên đơn Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã không phải nộp tiền án phí. Hoàn trả lại cho Q3 hỗ trợ phát triển hợp tác xã số tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) theo Biên lai thu số 0000912 ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/9/2023 Tòa án nhân dân huyện Thạch An nhận được đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị H1 kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị H1, và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Ư trình bày: Đề nghị xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 01/2023/KDTM – ST ngày 31/8/2023 với các yêu cầu cụ thể sau:

- Buộc hợp tác xã X phải có nghĩa vụ thanh toán cho Q3 hỗ trợ phát triển hợp tác xã số tiền nợ gốc 582.919.000đ (năm trăm tám mươi hai triệu, chín trăm mười chín nghìn đồng chẵn) trong thời hạn hai năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thông qua ông Nông Ngọc Q – chủ nhiệm HTX hoặc bà Nông Thị Hương L.

- Không tính lãi bởi dự án dây chuyền sản xuất gạch không nung gặp rủi ro bất khả kháng do thay đổi chế độ chính sách, không có mỏ vật liệu để thực

hiện dự án, trong đó có trách nhiệm lớn của Q3 hỗ trợ không thẩm định khả năng thực hiện dự án, không kịp thời đưa ra giải pháp xử lý tiền vay theo quy chế của Q3 và HTX X cũng đã trả Quỹ hỗ trợ số tiền gốc và lãi là 1.868.225.000đ.

- Nếu trong trường hợp sau hai năm, HTX không trả được nợ gốc nêu trên thì Quỹ hỗ trợ có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI205784 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 14/4/2011 đối với thửa đất số 65, tờ bản đồ số 81, địa chỉ: Kéo Ái - T, Đ, T, Cao Bằng, diện tích 2.727m^2 , mục đích sử dụng đất: đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ, thời hạn sử dụng: lâu dài theo hợp đồng thế chấp tài sản số 242/HĐTC-QHTPTHTX ngày 09/7/2012.

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK074040 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 16/7/2012 tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 59, diện tích 161,8m^2 , mục đích sử dụng: đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 245a/HĐTC- QHTPTHTX đã được giải chấp, bà Đỗ Thị H1 có toàn quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Nếu tòa xác định bà Đỗ Thị H1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án thì chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H1 là: Quỹ hỗ trợ phải có trách nhiệm với số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng chẵn) bà H1 đã vay của bà Nông Thị B1, chuyển vào tài khoản của Quỹ hỗ trợ ngày 05/11/2015.

- Đề nghị tòa án xem xét lại mức án phí và trách nhiệm nộp án phí của các bên.

- Nếu Quỹ hỗ trợ thấy được trách nhiệm của mình trong việc ký hợp đồng tín dụng số 240/HĐTD-QHTPTHTX ngày 28 tháng 6 năm 2012 để vụ việc không phức tạp, phải có sự tham gia của các cơ quan pháp luật thì có thể cùng con gái bà H1 là bà Nông Thị Hương L - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án thực hiện theo mục 2 điều 12: điều khoản thi hành của hợp đồng đã ký: "mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng này sẽ được hai bên trao đổi, thương lượng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Không nhất trí với nội dung kháng cáo, người liên quan bà H1 đã kháng cáo thay cho bị đơn; Hợp đồng tín dụng số 240 được giao kết đúng quy định của pháp luật, số tiền 2 tỷ đồng đã được chuyển đủ cho bị đơn; những tài sản thế chấp và những người sở hữu tài sản thế chấp hoàn toàn tự nguyện ký tên trên hợp đồng thế chấp, việc thế chấp tài sản được thực hiện đúng quy định của pháp luật; đối với tài sản là thửa đất có

diện tích 161,8m^2 chị H1 không có quyền đòi giải chấp, quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm chị H1 không có đơn yêu cầu độc lập, không có đơn phản tố, suốt hơn 09 năm qua chị H1 không có ý kiến gì về việc tại sao không giải chấp, quá trình tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chị H1 luôn từ chối tham gia tố tụng, tôi khẳng định đối với thửa đất có diện tích 161,8m^2 Quỹ chưa giải chấp, sự việc đó đã được văn phòng Đ chi nhánh huyện T xác nhận. Tại điều 31 nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 đã quy định rõ, hơn nữa chị H1 còn vi phạm cam kết nên mới không có ý kiến đề nghị giải chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Thị Hương Linh ông Vũ Đình T trình bày: Đối với hai hợp đồng thế chấp tài sản chị L hoàn toàn tự nguyện ký, tuy nhiên việc cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả số tiền còn lại hơn một tỷ đồng là không đảm bảo cho người liên quan, thửa đất có diện tích 161,8m^2 khi thế chấp không ghi vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên chị H1 mới không biết đi làm thủ tục giải chấp, tại quy chế của Quỹ quy định tại điều 19 đã nêu rõ, do đó việc giảm lãi cho Hợp tác xã X vẫn nằm trong quyền của Q3. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Hợp tác xã chỉ có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc còn lại, không phải trả số tiền lãi theo như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án bà H1 cho rằng việc tòa yêu cầu bà H1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng, vì bà H1 không phải là xã viên của HTX X, không góp cổ phần, bà H1 và ông Nông Ngọc Q đã ly hôn từ tháng 9/1994 không còn là vợ chồng. Bà H1 có cho ông Quảng mượn GCNQSDĐ để thế chấp với Quỹ hỗ trợ phát triển HTX nhưng tài sản thế chấp đã được giải chấp.

Tuy nhiên nhận thấy: Bà Đỗ Thị H1 trực tiếp tham gia ký kết hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 245a ngày 17/7/2012 gồm:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liên với đất số BK 074040 do UBND huyện T cấp vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02638, diện tích đất ở được cấp là 161,8m² đất ở tại đô thị trên thửa đất số 16, tờ bản đồ số 59 tại địa chỉ: TDP B, TT Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng, chủ sở hữu Bà Đỗ Thị H1.

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đấ số BI 205784 do UBND huyện T cấp, sổ vào sổ cấp chứng nhận CH000001 ngày 14/4/2011 diện tích đất được cấp là 2727m² đất sản xuất vật liệu xây dựng trên thửa đất số 65 tờ bản đồ số 81, tại địa chỉ Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Chủ sở hữu: Hộ ông Nông Ngọc Q và bà Đỗ Thị H1.

Đồng thời bà H1 cũng tham gia trực tiếp ký kết hợp đồng thế chấp dây chuyền máy móc, thiết bị.

Đó là 2 hợp đồng thế chấp do bà Đỗ Thị H1 trực tiếp ký với tư cách là bên thế chấp, bà H1 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện không bị ép buộc, không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội, hơn nữa bà H1 nhận thức được trách nhiệm đối với chữ ký của mình, tài sản thế chấp là 2 GCNQSDĐ bà Đỗ Thị H1 đều có quyền sở hữu trong đó, hơn nữa tài sản thế chấp chưa được văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện T giải chấp (tại biên bản làm việc ngày 18/11/2021, có nội dung: văn phòng Đ chi nhánh huyện T đang dừng thực hiện các thủ tục giải chấp, cho tặng, chuyển nhượng hoặc thực hiện các giao dịch khác dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có văn bản thông báo chính thức của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã); do vậy khi HTX X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền nợ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX thì Quỹ hỗ trợ phát triển HTX có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo, do đó ảnh hưởng đến quyền và lợi ích trực tiếp của bà Đỗ Thị H1. Việc tòa án triệu tập bà H1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng, căn cứ Điều 78 BLTTDS năm 2015, Điều 317; Điều 318, Điều 319 BLDS năm 2015 nhận thấy nội dung kháng cáo của bà Đỗ Thị H1 là không có căn cứ.

* Đối với Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm sau:

Qua xác minh chị Hương L không sinh sống tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, vắng mặt tại địa phương nhưng tòa án không xác minh lấy lời khai đối với bà Đỗ Thị H1 (là mẹ đẻ chị Nông Thị Hương L) để xác định nơi ở hiện tại của chị L và tòa án cũng không thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt, niêm yết, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đầy đủ đối với chị Nông Thị Hương L. Tòa án nhân dân huyện Thạch An chỉ tiến hành niêm yết QĐ xem xét thẩm định tại chỗ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, bản án sơ thẩm cho chị Nông Thị Hương L nhưng lại niêm yết ở nhà ông Q và nhà chị Hương L. Trong khi đó xác minh chị L không có mặt tại địa phương nên việc niêm yết đó không đảm bảo cho người được cấp, tống đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tống đạt, thông báo do vậy cần phải tiến

hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với chị Nông Thị Hương L nhưng tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện là vi phạm thủ tục tố tụng.

Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nông Thị Hương L có giấy ủy quyền cho ông Vũ Đình T tham gia tố tụng tại phiên tòa ngày 09/4/2024 cũng như không có ý kiến gì. (Những vi phạm của cấp sơ thẩm) vì đã trực tiếp có đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm, do đó không nhất thiết phải hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạch An.

Căn cứ Điều 317; Điều 318, Điều 319 BLDS năm 2015; Điều 73; Điều 178, Điều 179, Điều 180; Khoản 2 Điều 308 BLTTDS năm 2015 đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị H1. Bản án sơ thẩm số 01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An không tuyên về hiệu lực của hợp đồng thế chấp tài sản là thiếu sót do đó đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm số: 01/2023/KDTM-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng theo hướng Các Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được công chứng, có thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ đúng quy định, do đó hợp đồng thế chấp có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do đó buộc HTX X phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Quỹ hỗ trợ và V1; trường hợp bị đơn không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ thì nguyên đơn có quyền xử lý tài sản thế chấp đảm bảo để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên hiện nay tài sản đảm bảo là 01 dây chuyền sản xuất gạch không nung và 01 máy xúc đào lốp nhãn hiệu DAEWOO Solar 140W -V không xác định được đang ở đâu, hơn nữa nguyên đơn không yêu cầu trong vụ án này. Nếu nguyên đơn yêu cầu xử lý 2 tài sản đảm bảo còn lại sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Quỹ hỗ trợ và phát triển hợp tác xã khởi kiện bị đơn Hợp tác xã X có địa chỉ trụ sở tại Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng về việc *"tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Căn cứ khoản 5 Điều 30, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thạch An giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tính hợp lệ của kháng cáo: Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng xét xử vụ án ngày 31 tháng 8 năm 2023, ngày 12 tháng 9 năm 2023

Tòa án nhận được đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Đỗ Thị H1, đơn kháng cáo được gửi trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Do vậy, kháng cáo là hợp lệ.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt tại phiên toà không có lý do, Toà án niêm yết Giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhiều lần tại nơi cư trú nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 3 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án.

[4] Xét kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án. Tại Hợp đồng tín dụng số 240/HĐTD - QHTPTHTX ngày 28.6.2012 Hợp tác xã X đã thoả thuận ký kết hợp đồng tín dụng Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã số tiền là 2.000.000.000 đồng. Số tiền trên đã được Hợp tác xã nhận đủ thể hiện tại 03 khế ước nhận nợ số 281, ngày 05.8.2012; khế ước số 444 ngày 25.9.2012; khế ước số 42 ngày 29.1.2013.

Tại Hợp đồng tín dụng này đã dùng tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất tại K, thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 205784 do UBND huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 14/4/2011, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số CH000001 là thửa đất số 65, tờ bản đồ số 81, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng gốm sứ - được cấp 2.727m^2 , thời hạn sử dụng đất lâu dài; được cấp cho hộ ông Nông Ngọc Q. Giá trị tài sản bảo đảm theo biên lai định giá ngày 15/6/2012 giữa Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và bên có tài sản, bên vay là 327.000.000.đ (*ba trăm hai mươi bảy triệu đồng*).

- Quyền sử dụng đất tại khu B, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0 592364 do UBND tỉnh C ngày 06/11/2000 vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00423QSDĐ/03-170 là thửa số 95 tờ bản đồ số 11 diện tích là 116m^2 , thời hạn sử dụng lâu dài được cấp cho hộ bà Đỗ Thị H1.

- Thế chấp 01 dây chuyền sản xuất gạch xây không nung (mới) công suất sản xuất đạt 3-4 triệu viên/năm; Do Việt Nam sản xuất (tài sản hình thành từ vốn vay). Giá trị tài sản bảo đảm theo biên bản định giá ngày 15/6/2012 giữa Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và bên có tài sản, bên vay là 1.600.000.000.đ (*một tỷ sáu trăm triệu đồng)*.

- Thế chấp 01 máy xúc đào bánh lốp nhãn hiệu DAEWOO Solar 140W-V (DOOSAN), máy đã qua sử dụng, do Hàn Quốc sản xuất (tài sản hình thành từ vốn vay). Giá trị tài sản bảo đảm theo biên bản định giá ngày 15/6/2012 giữa Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và bên vay là 650.000.000.đ (*sáu trăm năm mươi triệu đồng*).

Tuy nhiên tại HĐTD số 245/HĐTDSD-THTPTX ngày 17.7.2012 giữa 2 bên đã thoả thuận ký hợp đồng tín dụng sửa đổi theo các điều khoản thay thế toàn bộ nội dung khoản 2 điều 5 " Biện pháp bảo đảm tiền vay" của hợp đồng tín dụng số 240 ngày 28.6.2012 bằng nội dung như sau:

Quyền sử dụng đất tại tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng theo giấy chứng nhận QSDĐ số BK 074040 do UBND huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 16/7/2012, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số CH02638 là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 59, diện tích 161,8m^2 đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, được cấp cho hộ bà Đỗ Thị H1. Giá trị tài sản bảo đảm theo biên bản định giá lại ngày 17/7/2012 giữa Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và bên có tài sản, bên vay là 969.000.000.đ (*chín trăm sáu mươi chín triệu đồng*).

Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng tín dụng số 240 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 245 các bên ký kết là trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc, việc ký kết được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với hợp đồng thế chấp dây chuyền máy móc, thiết bị số 241/HĐTC-QHTPTHTX ngày 09.7.2012 tài sản thế chấp gồm:

Thế chấp 01 dây chuyền sản xuất gạch xây không nung (mới) công suất sản xuất đạt 3-4 triệu viên/năm; Do Việt Nam sản xuất (tài sản hình thành từ vốn vay).

Thế chấp 01 máy xúc đào bánh lốp nhãn hiệu DAEWOO Solar 140W-V (DOOSAN), máy đã qua sử dụng, do Hàn Quốc sản xuất (tài sản hình thành từ vốn vay).

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 242/ HĐTC-QHTPTHTX ngày 09.7.2012 tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại K, thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng theo giấy chứng nhận quyến sử dụng đất số BI 205784 do UBND huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 14/4/2011, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số CH000001 là thửa đất số 65, tờ bản đồ số 81, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng gốm sứ - được cấp 2.727m2 , thời hạn sử dụng đất lâu dài; được cấp cho hộ ông Nông Ngọc Q.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 245a/ HĐTC-QHTPTHTX ngày 17.7.2012 tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại tổ

dân phố B, thị trấn Đ,huyện T, tỉnh Cao Bằng theo giấy chứng nhận QSDĐ số BK 074040 do UBND huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 16/7/2012, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số CH02638 là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 59, diện tích 161,8 m2 đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, được cấp cho hộ bà Đỗ Thị H1.

Hội đồng xét xử xét thấy các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đều do bà Đỗ Thị H1, Nông Thị Hương L, ông Nông Ngọc Q tự nguyện ký trực tiếp vào hợp đồng thế chấp. Việc thế chấp đều được UBND xã Đ, huyện T chứng thực. Như vậy việc thế chấp tài sản nêu trên các bên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của bà H1 cho rằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 245a/ HĐTC-QHTPTHTX ngày 17.7.2012 tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại tổ dân phố B, thị trấn Đ,huyện T, tỉnh Cao Bằng theo giấy chứng nhận QSDĐ số BK 074040 do UBND huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 16/7/2012, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số CH02638 là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 59, diện tích 161,8 m^2 đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, được cấp cho hộ bà Đỗ Thị H1 đã được giải chấp, không được tính vào tài sản thế chấp của Hợp tác xã. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 245a/ HĐTC-QHTPTHTX ngày 17.7.2012 thì tại văn bản ngày 18.7.2012 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T đã chứng nhận vào đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận QSDĐ số BK 074040 do UBND huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 16/7/2012, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số CH02638 là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 59, diện tích 161,8 m^2 đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, được cấp cho bà Đỗ Thị H1, được ông Nông Ngọc Q, bà Đỗ Thị H1, Nông Thị Hương L ký với vai trò của bên thế chấp, Văn phòng xác nhận đất đủ điều kiện thế chấp.

Như vậy có thể khẳng định rằng thửa đất số 16, tờ bản đồ số 59, diện tích 161,8 m^2 đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, được cấp cho bà Đỗ Thị H1 đã được thế chấp cho khoản vay của Hợp tác xã xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng T, việc thế chấp phù hợp theo quy định của pháp luật.

Việc bà H1 cho rằng thửa đất số 16, tờ bản đồ số 59, diện tích 161,8m^2 đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, được cấp cho bà Đỗ Thị H1 đã được giải chấp. Hội đồng xét xử xét thấy, tại văn bản biên bản làm việc ngày 06.7.2017 văn phòng đăng ký đất đai huyện T xác nhận văn phòng đã nhận được công văn số 338/CV –QHTPTHTX ngày 10/8/2016 về việc đề nghị dừng thủ tục giải chấp tài sản của bà Đỗ Thị H1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSDĐ số BK 074040; cũng tại biên bản làm việc ngày 4.11.2020 văn phòng Đ

chi nhánh H cũng cam kết không thực hiện thủ tục giải chấp, cho tặng, chuyển nhượng… đối với QSDĐ số BK 074040.

Như vậy có đủ căn cứ để khẳng định đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 245a/ HĐTC-QHTPTHTX ngày 17.7.2012 tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng theo giấy chứng nhận QSDĐ số BK 074040 do UBND huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 16/7/2012, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số CH02638 là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 59, diện tích 161,8 m2 đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, được cấp cho hộ bà Đỗ Thị H1 chưa được giải chấp theo quy định của pháp luật.

Do đó tài sản thế chấp đối với hợp đồng tín dụng số 240 vẫn là 04 tài sản thế chấp đã được phân tích ở trên và hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Đối với 2 tài sản thế chấp qua xác minh hiện nay không còn là tài sản 01 dây chuyền sản xuất gạch xây không nung (mới) công suất sản xuất đạt 3-4 triệu viên/năm; Do Việt Nam sản xuất (tài sản hình thành từ vốn vay); 01 máy xúc đào bánh lốp nhãn hiệu DAEWOO Solar 140W-V (DOOSAN), máy đã qua sử dụng, do Hàn Quốc sản xuất (tài sản hình thành từ vốn vay) tại phiên toà sơ thẩm và phúc thẩm Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã không yêu cầu xem xét, nếu có sẽ yêu cầu xem xét trong vụ án khác nên cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét giải quyết là có căn cứ.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không đánh giá tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp tài sản và không tuyên hiệu lực của hợp đồng thế chấp tài sản, đối với nội dung này cấp phúc thẩm khắc phục được nên không cần thiết phải hủy vụ án mà chỉ cần tuyên sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2023/ KDTM-ST ngày 31.8.2023 của Toà án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, vẫn đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: bà Đỗ Thị H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cao không được chấp nhận theo quy định tại điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 84, Điều 100, Điều 121, Điều 122, Điều 124, Điều 318, Điều 343, Điều 344, khoản 7 Điều 351, Điều 352, Điều 355, Điều 389, Điều

402, Điều 423, Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 91; khoản 2 Điều 95; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

- Căn cứ Điều 31 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

- Căn cứ điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H1. Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ hỗ trợ và phát triển hợp tác xã Việt Nam:

Buộc Hợp tác xã X phải có nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã V1 tổng số tiền là 1.355.602.000đ *(Một tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm linh hai nghìn đồng)*, trong đó: nợ gốc 582.919.000đ *(Năm trăm tám mươi hai triệu chín trăm mười chín nghìn đồng)*, tiền lãi quá hạn phải trả các kỳ trước là 760.192.000đ *(Bảy trăm sáu mươi triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng)*, lãi quá hạn kỳ này là 12.491.*000đ (Mười hai triệu bốn trăm chín mươi mốt nghìn đồng)*.

Trường hợp Hợp tác xã X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả số tiền nói trên, thì Q3 hỗ trợ phát triển hợp tác xã V1 có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp số 241/HĐTC-QHTPTHTX ngày 09.7.2012 và hợp đồng thế chấp số 242/ HĐTC-QHTPTHTX ngày 09.7.2012 để thu hồi nợ:

Hợp đồng thế chấp thế chấp dây chuyền máy móc, thiết bị số 241/HĐTC-QHTPTHTX ngày 09.7.2012 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 242/ HĐTC-QHTPTHTX ngày 09.7.2012 có hiệu lực pháp luật. Tài sản thế chấp trong hợp đồng tín dụng số 240/HĐTD-QHTPTHTX ngày 28/6/2012 gồm các tài sản sau gồm:

- 01 dây chuyền sản xuất gạch xây không nung (mới) công suất sản xuất đạt 3-4 triệu viên/năm; Do Việt Nam sản xuất (tài sản hình thành từ vốn vay).

- 01 máy xúc đào bánh lốp nhãn hiệu DAEWOO Solar 140W-V (DOOSAN), máy đã qua sử dụng, do Hàn Quốc sản xuất (tài sản hình thành từ vốn vay).

- Quyền sử dụng đất tại K, thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng theo giấy chứng nhận quyến sử dụng đất số BI 205784 do UBND huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 14/4/2011, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số CH000001 là thửa đất số 65, tờ bản đồ số 81, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng gốm sứ - được cấp 2.727m2 , thời hạn sử dụng đất lâu dài; được cấp cho hộ ông Nông Ngọc Q,

- Quyền sử dụng đất tại tổ dân phố B, thị trấn Đ,huyện T, tỉnh Cao Bằng theo giấy chứng nhận QSDĐ số BK 074040 do UBND huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 16/7/2012, vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số CH02638 là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 59, diện tích 161,8 m^2 đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, được cấp cho hộ bà Đỗ Thị H1.

Không đặt ra vấn đề xem xét đối với 02 tài sản thế chấp gồm 01 dây chuyền sản xuất gạch xây không nung (mới) công suất sản xuất đạt 3-4 triệu viên/năm; Do Việt Nam sản xuất (tài sản hình thành từ vốn vay); 01 máy xúc đào bánh lốp nhãn hiệu DAEWOO Solar 140W-V (DOOSAN), máy đã qua sử dụng, do Hàn Quốc sản xuất (tài sản hình thành từ vốn vay). Do nguyên đơn không yêu cầu xem xét.

Sau khi phát mại hết tài sản thế chấp mà vẫn chưa thanh toán hết nợ cho Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã V1 thì bị đơn vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã V1 cho đến khi hết số tiền vay nợ theo hợp đồng tín dụng số 240/HĐTD-QHTPTHTX ngày 28/6/2012.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị đơn chậm thanh toán thì sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng số 240/HĐTD-QHTPTHTX ngày 28/6/2012 nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và theo quy định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

2. Về án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí là 52.668.000đ *(năm mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng).*

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*) theo Biên lai thu số 0000912 ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Đỗ Thị H1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000đ. nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001048 ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Bà H1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bán phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh CB;
- Chi cục THADS huyện TA;
- TAND huyện TA;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như